

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy sản xuất, gia công giày dép xuất khẩu tại xã Hải Long, huyện Như Thanh của Công ty TNHH đầu tư và phát triển Eagle Huge Việt Nam

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 956/QĐ-UBND ngày 19/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc điều chỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Nhà máy may công nghiệp xuất khẩu Như Thanh thành dự án Nhà máy sản xuất, gia công giày dép xuất khẩu tại xã Hải Long, huyện Như Thanh; Quyết định số 1606/QĐ-UBND ngày 11/5/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Nhà máy sản xuất, gia công giày dép xuất khẩu tại xã Hải Long, huyện Như Thanh;

Xét Văn bản số 10243/STNMT-BVMT ngày 02/12/2022 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa về kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy sản xuất, gia công giày dép xuất khẩu tại xã Hải Long, huyện Như Thanh của Công ty TNHH đầu tư và phát triển Eagle Huge Việt Nam;

Xét Công văn số 223/CV-MT ngày 02/12/2022 của Công ty TNHH đầu tư và phát triển Eagle Huge Việt Nam về việc đề nghị phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Nhà máy sản xuất, gia công giày dép xuất khẩu tại xã Hải Long, huyện Như Thanh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1072/Tr-STNMT ngày 07/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy sản xuất, gia công giày dép xuất khẩu tại xã Hải Long, huyện Như Thanh (sau đây gọi là dự án) của Công ty TNHH đầu tư và phát triển Eagle Huge Việt Nam (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại Hải Long, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Nhà máy sản xuất, gia công giày dép xuất khẩu tại xã Hải Long, huyện Như Thanh của Công ty TNHH đầu tư và phát triển Eagle Huge Việt Nam thực hiện tại Hải Long, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Như Thanh, Giám đốc Công ty TNHH đầu tư và phát triển Eagle Huge Việt Nam và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Bộ TN&MT (để b/c);
- UBND xã Hải Long (để giám sát);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, CCBVMT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án Nhà máy sản xuất, gia công giày dép xuất khẩu tại xã Hải Long,
huyện Như Thanh của Công ty TNHH đầu tư và phát triển Eagle Huge
Việt Nam

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của
 Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Nhà máy sản xuất, gia công giày dép xuất khẩu tại xã Hải Long, huyện Như Thanh.
- Địa điểm thực hiện: tại xã Hải Long, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa.
- Chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH đầu tư và phát triển Eagle Huge Việt Nam.
- + Người đại diện: CHOU SHIH HSUAN.
- + Chức vụ: Giám đốc.
- + Địa chỉ: Lô CN04, KCN Hoàng Long, phường Tào Xuyên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Phạm vi: Nhà máy sản xuất, gia công giày dép xuất khẩu tại xã Hải Long, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa thuộc địa giới hành chính xã Hải Long, huyện Như Thanh có diện tích 82.072 m², đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DE409763 ngày 23/6/2022.
- Quy mô công suất sản xuất giày dép: 6.000.000 đôi sản phẩm/năm.
- Quy mô sử dụng khoảng 6.000 lao động.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:

- Quy mô các hạng mục công trình: Nhà xưởng sản xuất số 01 (5.760m²), nhà xưởng sản xuất số 02 (5.760m²), nhà nghỉ ca (03 tầng, 218m²) nhà văn phòng làm việc (03 tầng, 507m²), nhà ăn ca (02 tầng, 1.440m²), nhà cầu 02 nhà (1.440m²), nhà bảo vệ 01 (72,2m²), nhà vệ sinh số 01 (137,7m²), nhà để xe số 01 (1.290m²), nhà để xe số 02 (1.377m²), nhà để xe số 03 (1.073m²), nhà xưởng số 03 (02 tầng, 3.380m²), nhà xưởng số 04 (2 tầng, 3.380m²), nhà xưởng số 05 (02 tầng, 2.304m²), nhà xưởng số 08 (02 tầng, 2.304m²), nhà xưởng số 09 (02 tầng, 2.304m²), 04 thang nâng hàng (02 tầng, 46,2m²), nhà để xe số 04 (02 tầng, 2.755m²), nhà chứa rác (576m²), nhà dán hộp (576m²), nhà điện B (02 tầng, 576m²), nhà kho keo (02 tầng, 576m²), nhà xưởng số 06 (02 tầng, 3.456m²), bể xử lý nước thải + tháp nước (588,6m²), bể nước sinh hoạt + tháp nước (168m²), nhà để máy khuôn giày (420m²), nhà điện A (360m²), nhà cầu nối số 2A (02 tầng, 42m²), nhà cầu nối số 2B (02 tầng, 58m²), nhà cầu nối số

2C (02 tầng, 76m²), nhà cầu nổi số 2D (82m²), nhà vệ sinh số 02 (672m²), nhà xưởng số 7 (3.456m²), nhà vệ sinh số 03 (48m²), nhà bảo vệ 02 (30m²) và các công trình phụ trợ khác.

- Hoạt động của dự án:

+ Giai đoạn thi công xây dựng các công trình theo quy hoạch điều chỉnh và các hoạt động sản xuất tại các công trình hiện có của Nhà máy;

+ Vận hành Dự án: Sản xuất gia công các sản phẩm giày, dép phục vụ xuất khẩu.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Giai đoạn thi công xây dựng: Hoạt động thi công xây dựng các công trình của dự án, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, hoạt động của máy móc, thiết bị trên công trường, hoạt động của công nhân tham gia thi công xây dựng... Các hoạt động này phát sinh bụi, khí thải, nước thải xây dựng, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, tiếng ồn, độ rung tác động đến dân cư và các yếu tố tự nhiên, xã hội khác.

- Giai đoạn vận hành: Hoạt động sản xuất, vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm, sinh hoạt của công nhân,...phát sinh bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn sản xuất, chất thải nguy hại..., tác động đến công nhân, môi trường tự nhiên và các yếu tố xã hội khác.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

3.1.1. Nước thải, khí thải:

3.1.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

a. Nước thải từ hoạt động thi công các công trình mới

- Nước thải sinh hoạt công nhân phát sinh khoảng 1,2 m³/ngày (bao gồm nước rửa tay, chân: 0,6 m³/ngày; và nước nhà vệ sinh 0,6m³/ngày). Thành phần chủ yếu gồm chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform,...

- Nước thải phát sinh từ quá trình rửa lốp xe khoảng 1,5m³/ngày. Thành phần chủ yếu gồm cặn lơ lửng, dầu mỡ.

b. Nước thải từ hoạt động sản xuất hiện tại

- Nước thải từ hoạt động sản xuất với lưu lượng 22m³/ngày đêm, trong đó: nước thải từ hoạt động rửa khung bản in xoa là 6m³; nước thải từ hoạt động rửa dụng cụ pha chế keo là 4m³ và nước thải từ hoạt động rửa đế giày là 12m³. Thành phần chủ yếu gồm các chất rắn lơ lửng, cặn keo chết, mực in chết, độ màu,...

- Nước thải từ hoạt động sinh hoạt công nhân nhà máy hiện tại theo thống kê thực tế với lưu lượng trung bình là 225m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu gồm chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform,...

- Nước mưa chảy tràn tại khu vực công trường thi công có lưu lượng tối đa 2593m³/h. Thành phần chủ yếu là bùn đất, rác thải.

3.1.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của khí thải:

a. Bụi từ hoạt động thi công các công trình mới:

- Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu thi công các hạng mục công trình gồm: Bụi và khí thải từ phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công dự án, bụi cuốn theo lốp xe. Thành phần chủ yếu gồm bụi vô cơ, khí CO, SO₂, NO₂ và VOC...

- Bụi và khí thải từ hoạt động thi công các hạng mục công trình của dự án gồm: bụi từ đào đắp trên công trường, trút đổ nguyên vật liệu, thi công công trình, bụi và khí thải từ các máy móc thiết bị tiêu thụ dầu DO, ... Thành phần gồm bụi vô cơ, khí CO, SO₂, NO₂ và VOC...

b. Bụi từ hoạt động sản xuất hiện tại của nhà máy:

- Bụi và khí thải từ các phương tiện giao thông ra vào nhà máy: Thành phần gồm bụi vô cơ, khí CO, SO₂, NO₂ và VOC.

- Bụi từ quá trình mài để phát sinh tại khu vực mài để, thành phần chủ yếu là bụi cao su, bụi eva,.

- Mùi và hơi keo phát sinh tại khu vực pha chế keo, quét nước xử lý, quét keo, sấy keo, in xoa; thành phần hơi dung môi hữu cơ, các hợp chất hữu cơ có trong keo: Toluene, Acetone, Cyclohexane, Benzene,...

- Các hơi khí độc hại phát sinh từ các công trình xử lý nước thải (cống rãnh thoát nước thải), khu tập kết chất thải rắn; thành phần chủ yếu gồm H₂S; NH₃; CH₄...

3.1.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

3.1.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn thông thường:

a. Chất thải rắn từ hoạt động thi công các công trình mới:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh khoảng 12 kg/ngày chủ yếu là thức ăn thừa của công nhân, nhựa, giấy, bìa carton, nilon, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

- Chất thải rắn xây dựng: Phát sinh trong quá trình thi công xây dựng 64 tấn đất, đá, cát và vật liệu xây dựng khác (sắt, vôi vụn, nhựa, ván gỗ); chất thải vỏ bao bì xi măng 268 kg.

b. Chất thải rắn từ hoạt động sản xuất hiện tại của nhà máy:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 600kg/ngày, gồm các chất hữu cơ dễ phân huỷ 300kg/ngày; chất thải có thể tái chế 30kg/ngày; các chất thải tro khác 270 kg/ngày.

- Chất thải rắn sản xuất khoảng 2755kg/ngày, thành phần gồm: Phế phẩm từ đế giày, vụn cao su, sản phẩm lỗi, nguyên phụ liệu khác...

3.1.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

a. Chất thải nguy hại từ hoạt động thi công các công trình mới:

- Chất thải rắn nguy hại phát sinh khoảng 5 kg/tháng trong giai đoạn thi công, chủ yếu là giẻ lau dính dầu, pin, bóng đèn neon.

- Khối lượng dầu thải từ các phương tiện thi công dự án tối đa tại công trường là 15lít/ lần sửa chữa.

b. Chất thải nguy hại từ hoạt động sản xuất hiện tại của nhà máy.

- Chất thải rắn nguy hại phát sinh của dự án gồm: Bóng đèn neon, ắc quy, pin, vỏ chai lọ hóa chất, chất kết dính, keo chết, mực in chết, chất hấp thụ, vật liệu lọc, bùn thải từ quá trình xử lý nước thải sản xuất với tổng khối lượng khoảng 6,187 tấn/tháng.

- Chất thải lỏng nguy hại trung bình hàng tháng phát sinh là 12 lít/tháng; chủ yếu là dầu thải.

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung:

- Tác động do tiếng ồn, độ rung từ hoạt động thi công và vận chuyển nguyên nhiên vật liệu; các rủi ro, sự cố môi trường như: cháy nổ, an toàn lao động,... từ thi công các công trình mới.

- Tác động do tiếng ồn, độ rung từ hoạt động sản xuất và vận chuyển nguyên nhiên vật liệu; các rủi ro, sự cố môi trường như: cháy nổ, an toàn lao động,... từ hoạt động sản xuất hiện tại của nhà máy.

3.2. Giai đoạn vận hành:

3.2.1. Nước thải, khí thải:

3.2.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 253 m³/ngày (nước thải tắm rửa: 75m³/ngày.đêm; nước thải nhà vệ sinh 165m³/ngày.đêm, nước vệ sinh dụng cụ ăn tại nhà ăn 13m³/ngày.đêm). Thành phần chủ yếu gồm chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform.

- Nước thải từ quá trình rửa dụng cụ pha chế keo: 4 m³/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu gồm chất rắn lơ lửng, cặn keo chết ...

- Nước thải từ quá trình rửa khung bản in và các dụng cụ in xoa: 6m³/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu gồm chất rắn lơ lửng, mực in chết.

- Nước thải từ quá trình rửa đế giấy: 12 m³/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu gồm chất rắn lơ lửng.

3.2.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của khí thải:

- Bụi và khí thải từ các phương tiện giao thông ra vào nhà máy: Thành phần chủ yếu gồm bụi vô cơ, khí CO, SO₂, NO₂ và VOC.

- Bụi từ quá trình mài đế phát sinh tại khu vực mài đế; thành phần chủ yếu là bụi cao su, bụi eva,...

- Mùi và hơi keo phát sinh tại khu vực pha chế keo, quét nước xử lý, quét keo, sấy keo, in xoa; thành phần hơi dung môi hữu cơ, các hợp chất hữu cơ có trong keo: Toluene, Aceton, Xyclohexan,...

- Các hơi khí độc hại phát sinh từ các công trình xử lý nước thải (cống rãnh thoát nước thải), khu tập kết chất thải rắn; thành phần chủ yếu gồm H₂S; NH₃; CH₄...

3.2.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

3.2.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh giai đoạn vận hành khoảng

600kg/ngày, gồm các chất hữu cơ dễ phân huỷ 300kg/ngày; chất thải có thể tái chế 30kg/ngày; các chất thải trơ khác 270 kg/ngày.

- Chất thải rắn sản xuất phát sinh giai đoạn vận hành khoảng 2755kg/ngày, thành phần gồm phế phẩm từ đế giày, vụn cao su, sản phẩm lỗi, nguyên phụ liệu khác...

3.2.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Chất chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành dự án gồm: Bóng đèn neon, ắc quy, pin, vỏ chai lọ hóa chất, chất kết dính, keo chết, mực in chết, chất hấp thụ, vật liệu lọc, bùn thải từ quá trình xử lý nước thải sản xuất với tổng khối lượng khoảng 6,187tấn/tháng.

- Chất thải lỏng nguy hại trung bình hàng tháng phát sinh là 12lít/tháng; chủ yếu là dầu thải.

3.2.2.3. Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải:

- Bùn cặn từ hệ thống thu gom và bể tự hoại 3 ngăn: với khối lượng trung bình 120 m³/năm.

- Bùn cặn từ hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung khoảng 109 tấn/năm.

3.2.2.3. Tiếng ồn, độ rung, nhiệt dư và các tác động khác

- Tiếng ồn, độ rung, nhiệt dư phát sinh từ quá trình sản xuất; từ phương tiện ra vào nhà máy,... và các rủi ro, sự cố môi trường như: cháy nổ, an toàn lao động, hư hỏng hệ thống xử lý chất thải, ...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

4.1. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án trong giai đoạn thi công xây dựng

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

a. Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải từ thi công công trình mới:

- *Đối với nước thải sinh hoạt công nhân thi công công trình mới:*

+ Nước thải từ quá trình rửa tay chân tay 0,6 m³/ngày thu gom dẫn về bể lắng (dung tích 3,4m³, kích thước: 1,5m x 1,5m x 1,5m; có đáy và thành được lót bằng vải địa kỹ thuật HDPE chống thấm) để lắng và tái sử dụng phun ẩm chống bụi khu vực công trường thi công dự án;

+ Nước thải từ quá trình vệ sinh cá nhân (đại tiện, tiểu tiện): 0,6 m³/ngày sử dụng nhà vệ sinh công nhân hiện có của nhà máy cạnh xưởng số 7 Nước thải vệ sinh được thu gom xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 500m³/ngày của dự án để xử lý.

- *Đối với nước thải xây dựng:*

Nước thải từ quá trình vệ sinh thiết bị với lưu lượng 1,5 m³/ngày, thu gom và dẫn về hố lắng có thể tích 3,4m³ (kích thước 1,5m×1,5m×1,5m) được xây dựng bằng cách đào hồ sau đó dùng vải địa kỹ thuật (HDPE) lót đáy và thành để chống thấm, chia làm 2 ngăn bởi vách ngăn lưng, trong bể bố trí 1

phao quây thu váng dầu) để chứa và lắng nước thải vệ sinh máy móc, thiết bị thi công. Nước thải sau khi lắng tái sử dụng để vệ sinh thiết bị và phun ẩm chống bụi khu vực công trường.

b. Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải từ nhà máy hiện tại:

- *Đối với nước thải sinh hoạt công nhân nhà máy hiện tại:*

+ Nước thải nhà ăn được thu gom về bể tách mỡ thể tích 9m³ để tách váng dầu mỡ sau đó dẫn về HTXLNT tập trung để xử lý, váng mỡ thu được vận chuyển xử lý cùng rác thải sinh hoạt.

+ Nước thải nhà vệ sinh được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 500m³/ngày.đêm của dự án để xử lý.

+ Nước thải rửa tay chân, tắm, giặt được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 500m³/ngày của dự án để xử lý.

- *Đối với nước thải sản xuất nhà máy hiện tại:* Nước thải từ khu vực pha chế keo, khu vực in xoa, khu vực rửa đế được thu gom về hệ thống XLNT sản xuất của dự án công suất 30m³/ngày.đêm để xử lý sơ bộ sau dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 500m³/ngày của dự án để xử lý.

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt trong giai đoạn thi công được thu gom xử lý sơ bộ và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 500m³/ngày của dự án để xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt sau đó tái sử dụng dội nhà vệ sinh, tưới cây, chống bụi còn lại xả thải ra mương thoát nước chung và chảy ra khe Cầu Đất.

c. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn gồm:

- Khu vực bãi chứa nguyên vật liệu (đá, cát, xi măng, sắt thép...) phục vụ quá trình thi công xây dựng phải che chắn bằng bạt.

- Không để vật liệu xây dựng, vật liệu độc hại, dầu mỡ và chất thải nguy hại hại do các phương tiện vận chuyển và thi công gây ra, không để rò rỉ ra môi trường.

- Chất thải sinh hoạt và các chất thải được lưu chứa trong các dụng cụ lưu chứa, không xả rác ra mặt đất khu vực công trường, để tránh rác thải cuốn trôi theo nước mưa chảy tràn.

- Tạo hệ thống rãnh thoát nước mưa tạm có kích thước là 50cm × 50cm dọc theo chiều dài khu đất, khoảng cách giữa các rãnh tạm là 30m. Trên các rãnh tạm bố trí các hố ga tạm kích thước 1x1x1m để lắng bùn đất, khoảng cách giữa các hố ga 30m/hố ga. Nước mưa thu gom và dẫn vào hệ thống mương thoát nước mưa hiện có của nhà máy và thoát ra mương thoát nước chung của khu vực.

- Khu vực nhà máy hiện tại thường xuyên vệ sinh sân đường nội bộ, thu gom rác thải sinh hoạt hàng ngày.

4.1.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

a. Bụi và khí thải từ hoạt động thi công công trình mới

- Tiến hành lắp dựng khoảng 450 m rào tôn, cao 2,5m xung quanh khu đất xây dựng các công trình mới.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân thi công trên công trường với số lượng, 2 bộ/người/năm.

- Tưới ẩm khu vực thi công và tuyến đường Quốc lộ 45 đoạn tiếp giáp dự án. Tần suất tưới ẩm chống bụi 4 lần/ngày và thực hiện bổ sung khi bụi phát sinh nhiều.

- Thi công đúng kỹ thuật, san gạt lu lèn ngay sau khi trút đổ vật liệu san nền; Vận chuyển nguyên vật liệu trên các xe có bạt che phủ, chở đúng tải trọng quy định, tuân thủ tốc độ di chuyển trên các tuyến đường.

- Khi thi công trong quá trình đào đắp, trút đổ vật liệu nếu quá khô phát sinh nhiều bụi, thực hiện tưới ẩm để dập bụi.

- Các phương tiện máy móc thi công trong dự án đảm bảo được kiểm định đúng quy định và bảo dưỡng thường xuyên. Tuân thủ chế độ đăng kiểm theo quy định, việc sử dụng các phương tiện và máy móc đảm bảo còn niên hạn.

- Bố trí khu vực rửa xe máy và thiết bị thi công dự án trước khi ra khỏi khu vực công trường tại cổng ra vào công trường. Khu rửa xe bố trí với diện tích 40m², bê tông hóa mặt nền, có rãnh thoát nước và bể chứa nước rửa xe, bể lắng nước vệ sinh phương tiện. Xe vận chuyển đất và vật liệu xây dựng từ công trường trước khi ra khỏi công trường được phun nước rửa sạch lốp xe và bùn đất dính bên ngoài xe nếu có.

b. Bụi và khí thải từ hoạt động sản xuất nhà máy hiện:

Duy trì hệ thống xử lý bụi và khí thải các xưởng sản xuất hiện tại gồm:

- Đối với bụi phát sinh từ công đoạn mài đế: Sử dụng 02 hệ thống thu bụi tại khu vực mài đế, mỗi hệ thống gồm: đầu thu bụi tại các máy mài đế → Quạt hút bụi (Công suất 37kW, lưu lượng 20.000 m³/h) → Cyclon đường kính 1,2m → Buồng thu bụi túi vải → Ống thoát khí đường kính D600mm, cao 11m.

- Đối với mùi phát sinh từ công đoạn pha chế keo: Sử dụng 01 hệ thống hút và xử lý mùi hơi keo, hệ thống gồm: Chụp hút tại khu vực pha chế keo → Quạt hút (Công suất 5kW, lưu lượng 5.000 m³/h) → Buồng hấp thụ khí than hoạt tính → Ống thoát khí đường kính D600mm, cao 12m.

- Đối với mùi phát sinh từ công đoạn sấy đế: Sử dụng 22 hệ thống hút và xử lý hơi keo lắp đặt ngay tại các máy sấy, mỗi hệ thống gồm: Buồng hấp thụ khí than hoạt tính → Quạt hút (Công suất 0,5kW, lưu lượng 1.100 m³/h) → Ống thoát khí đường kính D400mm.

4.1.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

a. Đối với chất thải rắn sinh hoạt:

- Trang bị 04 thùng đựng rác có nắp đậy (dung tích 20 lít/thùng) tại vị trí lán trại công nhân để thu gom và lưu chứa rác thải sinh hoạt công nhân xây dựng.

- Toàn bộ rác thải sinh hoạt được thu gom hàng ngày và tập kết cùng rác thải sinh hoạt công nhân nhà máy hiện tại để vận chuyển và xử lý theo quy định với tần suất 01 ngày/lần.

- Rác thải sinh hoạt công nhân từ hoạt động hiện tại của nhà máy:

+ Trang bị và sử dụng 50 thùng rác loại 50 lít/thùng, có nắp đậy dọc hành lang tại các nhà xưởng, nhà văn phòng, nhà ăn công nhân để thu gom rác thải sinh hoạt. Bố trí 12 thùng rác loại 120 lít tại khu vực phòng nhà ăn để thu gom chất thải sinh hoạt;

+ Yêu cầu cán bộ công nhân viên bỏ rác đúng nơi quy định, rác thải sinh hoạt được thu gom bỏ vào thùng chứa rác có nắp đậy. Rác được công nhân vệ sinh thu gom và phân loại 2 lần/ngày về kho chứa CTR của dự án;

+ Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt đi xử lý với tần suất 1 lần/ngày.

b. Đối với chất thải rắn thông thường:

- Vật liệu xây dựng rơi vãi thu gom tái sử dụng làm vật liệu san lấp mặt bằng tại dự án. Vụn sắt, thép, bao bì xi măng được thu gom tận dụng hoặc bán phế liệu.

- Rác thải sản xuất từ hoạt động hiện tại của nhà máy:

+ Nguyên vật liệu dư thừa, sản phẩm lỗi, nguyên phụ liệu thải bỏ được thu gom, phân loại và lưu giữ tại nhà chứa rác của Nhà máy có diện tích 576 m². Hợp đồng đơn vị có đủ chức năng vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp theo đúng quy định. Tần suất vận chuyển theo tình hình thực tế của công ty.

+ Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung, định kỳ lấy mẫu phân tích đánh giá để phân định theo QCVN 50:2013/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước thải. Nếu bùn thải không phải chất thải nguy hại, Công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý chất thải công nghiệp định kỳ thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định. Nếu bùn thải là chất thải nguy hại Công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý chất thải nguy hại định kỳ thu gom, vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định về quản lý CTNH.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành liên quan khác về bảo vệ môi trường.

4.1.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Trang bị 02 thùng chuyên dụng 120 lít/thùng để thu gom chứa CTNH dạng rắn và 01 nhựa 30 lít chứa CTNH dạng lỏng. Các thùng, can chứa chất thải nguy hại đều có nắp đậy kín, bên ngoài thùng có biểu tượng cảnh báo nguy hại, có dán nhãn mác và được đặt trong góc nhà kho tạm trên công trường.

- Đơn vị thi công hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển xử lý chất thải nguy hại sau khi kết thúc thi công.

- Rác thải nguy hại phát sinh từ hoạt động hiện tại của nhà máy:

+ Chất thải nguy hại phát sinh được phân loại ngay khi phát sinh và lưu chứa trong các thùng chứa CTNH tại kho chứa CTNH.

+ Kho chứa CTNH có diện tích 50 m², bố trí trong nhà chứa rác của Nhà máy, bên trong bố trí 08 thùng đựng chất thải, dung tích thùng 0,5 m³/thùng và 04 thùng chứa CTNH 0,2 m³/thùng có nắp đậy, được dán nhãn mác để lưu chứa chất thải nguy hại theo quy định;

+ Hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại đưa đi xử lý theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành liên quan khác về bảo vệ môi trường.

4.1.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

- Hạn chế vận hành những máy móc thiết bị đồng thời để giảm tiếng ồn, độ rung cộng hưởng, nhất là vị trí gần các khu vực nhạy cảm.

- Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu thấy không cần thiết để giảm mức ồn tích lũy ở mức thấp nhất.

- Quy định tốc độ xe, máy móc thi công khi di chuyển trong công trường không quá 5km/h.

- Không tiến hành thi công vào khoảng thời gian từ 22 giờ ÷ 6 giờ ngày hôm sau và 11 giờ ÷ 13 giờ.

- Trang bị nút tai chống ồn cho công nhân thi công tại các vị trí có tiếng ồn lớn, vận hành các thiết bị có độ ồn cao.

4.2. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án trong giai đoạn vận hành:

4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.2.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

- Nước mưa chảy tràn sau khi thu gom bằng hệ thống máng thu nước mái, ống nhựa PVC, cửa thu nước dẫn về hệ thống rãnh thoát nước mưa của dự án có các hố gas để lắng cặn trước khi thoát ra mương thoát nước của khu vực phía Bắc khu đất dự án và chảy ra khe Cầu Đất.

- Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh của cán bộ, nhân viên tại nhà máy xử lý sơ bộ bằng 15 bể tự hoại 3 ngăn tổng thể tích bể tự hoại là 1.600 m³. Sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy công suất 500m³/ngày.đêm để tiếp tục xử lý.

- Nước thải phát sinh từ rửa tay chân, tắm giặt thu gom bằng đường ống PVC và hố ga, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy công suất 500m³/ngày.đêm để tiếp tục xử lý.

- Nước thải phát sinh từ nhà ăn thu gom bằng đường ống PVC về bể tách mỡ thể tích 9m^3 để tách váng mỡ sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy công suất $500\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ để tiếp tục xử lý. Váng mỡ tách được thu gom vận chuyển xử lý cùng rác thải sinh hoạt.

- Nước sản xuất phát sinh từ quá trình chùi rửa dụng cụ pha chế keo, rửa khung bản in và rửa đế được thu gom riêng, dẫn về hệ thống xử lý sơ bộ nước thải sản xuất (công suất $30\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$) để xử lý sơ bộ sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung xử lý cùng nước thải sinh hoạt. Quy trình xử lý nước thải sản xuất: Nước thải sản xuất → Bể thu gom nước thải sản xuất → Bể khuấy nhanh → Bể keo tụ → Bể lắng → nước sau xử lý dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $500\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$. Bùn thải thu gom và hợp đồng vận chuyển xử lý cùng chất thải nguy hại.

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất sau khi xử lý sơ bộ được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung (công suất $500\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$) để xử lý. Quy trình xử lý nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung: Nước thải sinh hoạt và sản xuất sau xử lý sơ bộ → Bể thu gom → Máy sàng rác tinh → Bể điều hòa → Bể điều chỉnh pH → Bể khử Nitơ → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể trung gian → Bể khuấy nhanh → Bể keo tụ → Bể lắng nghiêng → Bể chứa nước ra → Bồn lọc cát → Bồn lọc than → Bể khử trùng → Bể chứa nước tái sử dụng.

- Nước sau khi xử lý đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt; QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng thải công nghiệp, một phần tái sử dụng tưới cây, dãi nhà vệ sinh phần còn lại xả thải ra mương thoát nước của khu vực phía Bắc khu đất dự án và chảy ra khe Cầu Đất.

- Xây dựng bể chứa nước sau xử lý phục vụ tái sử dụng, PCCC và bể sự cố có thể tích 700m^3 (chia làm 2 ngăn chứa nước thải trong trường hợp xảy ra sự cố hệ thống nước thải tập trung).

4.2.1.2 Đối với thu gom và xử lý bụi và khí thải:

- Đối với bụi phát sinh từ công đoạn mài đế: Sử dụng hệ thống thu bụi tại khu vực mài đế, mỗi hệ thống gồm: đầu thu bụi tại các máy mài đế → Quạt hút bụi (Công suất 37kW , lưu lượng $20.000\text{ m}^3/\text{h}$) → Cyclon đường kính $1,2\text{m}$ → Bùng thu bụi túi vải → Ống thoát khí đường kính $D600\text{mm}$, cao 11m .

- Đối với mùi phát sinh từ công đoạn pha chế keo: Sử dụng hệ thống hút và xử lý mùi hơi keo, gồm: Chụp hút tại khu vực pha chế keo → Quạt hút (Công suất 5kW , lưu lượng $5.000\text{ m}^3/\text{h}$) → Bùng hấp thụ khí than hoạt tính → Ống thoát khí đường kính $D600\text{mm}$, cao 12m .

- Đối với mùi phát sinh từ công đoạn in xoa: Lắp đặt và sử dụng hệ thống hút và xử lý mùi hơi dung môi hữu cơ, mỗi hệ thống gồm: Chụp hút tại khu vực in xoa → Quạt hút (Công suất 17kW , lưu lượng $10.000\text{ m}^3/\text{h}$) → Bùng hấp thụ khí than hoạt tính → Ống thoát khí đường kính $D600\text{mm}$, cao 12m .

- Đối với mùi phát sinh từ công đoạn quét nước xử lý, quét keo, sấy đế: Sử dụng hệ thống hút và xử lý hơi keo lắp đặt ngay tại các máy sấy, mỗi hệ

thống gồm: Buồng hấp thụ khí than hoạt tính → Quạt hút (Công suất 0,5kW, lưu lượng 1.100 m³/h) → Ống thoát khí đường kính D400mm.

- Sử dụng quạt thông gió nhà xưởng, kho hóa chất, kho thành phẩm và lắp đặt điều hòa không khí tại các nhà xưởng may để đảm bảo môi trường lao động.

- Đối với hoạt động của các phương tiện ra, vào Nhà máy: Bảo dưỡng định kỳ, đăng kiểm đúng hạn, tuân thủ đúng vận tốc quy định.

- Xây dựng hệ thống thu gom nước mưa, nước thải dạng kín, các hồ gas có nắp đậy; thường xuyên kiểm tra hệ thống thu gom, xử lý nước thải, nạo vét định kỳ tránh tình trạng tắc nghẽn, vỡ đường ống làm phát sinh mùi hôi thối.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động (Quần, áo, khẩu trang, bao tay, nút tai chống ồn...) cho công nhân làm việc tại Nhà máy.

- Vào những ngày nắng nóng, hanh khô thực hiện phun nước trên tuyến đường nội bộ của nhà máy để giảm thiểu bụi đường cuốn theo phương tiện vận chuyển.

- Trồng cây xanh khu vực Nhà máy, đặc biệt dọc tuyến đường nội bộ và khu vực xử lý nước thải đảm bảo mật độ cây xanh theo quy định.

4.2.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt:

- + Trang bị và sử dụng 50 thùng rác loại 50 lít/thùng, có nắp đậy dọc hành lang tại các nhà xưởng, nhà văn phòng, nhà ăn công nhân để thu gom rác thải sinh hoạt. Bố trí 12 thùng rác loại 120 lít tại khu vực phòng nhà ăn để thu gom chất thải sinh hoạt;

- + Yêu cầu CBCNV bỏ rác đúng nơi quy định, rác thải sinh hoạt được thu gom bỏ vào thùng chứa rác có nắp đậy. Rác được công nhân vệ sinh thu gom và phân loại 2 lần/ngày về kho chứa CTR của dự án;

- + Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt đi xử lý với tần suất 1 lần/ngày.

- Chất thải rắn sản xuất:

- + Nguyên vật liệu dư thừa, sản phẩm lỗi, nguyên phụ liệu thải bỏ được thu gom, phân loại và lưu giữ tại nhà chứa rác của Nhà máy có diện tích 576 m². Hợp đồng đơn vị có đủ chức năng vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp theo đúng quy định. Tần suất vận chuyển theo tình hình thực tế của công ty.

- + Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung, định kỳ lấy mẫu phân tích đánh giá để phân định theo QCVN 50:2013/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước thải. Nếu bùn thải không phải chất thải nguy hại, Công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý chất thải công nghiệp định kỳ thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định. Nếu bùn thải là chất thải nguy hại Công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý chất thải nguy hại định kỳ thu gom, vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định về quản lý CTNH.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ

môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành liên quan khác về bảo vệ môi trường.

4.2.3. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải nguy hại

- Chất thải nguy hại phát sinh được phân loại ngay khi phát sinh và lưu chứa trong các thùng chứa CTNH tại kho chứa CTNH.

- Kho chứa CTNH có diện tích 50 m², bố trí trong nhà chứa rác của Nhà máy, bên trong bố trí 08 thùng đựng chất thải, dung tích thùng 0,5 m³/thùng và 04 thùng chứa CTNH 0,2 m³/thùng có nắp đậy, được dán nhãn mác để lưu chứa chất thải nguy hại theo quy định.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại đưa đi xử lý theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành liên quan khác về bảo vệ môi trường.

4.2.4. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

- Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng bảo trì các dây truyền thiết bị theo đúng định kỳ. Cân bằng của máy khi lắp đặt, kiểm tra độ mòn chi tiết và phải thường xuyên tra dầu bôi trơn cho các máy.

- Khi có sự cố hỏng hóc trên các dây truyền hay máy móc thiết bị phải dừng vận hành ngay và sửa chữa trước khi hoạt động lại.

- Trên các dây truyền máy móc thiết bị gây tiếng ồn lớn phải được lắp các thiết bị giảm âm là các đệm cao su được lót dưới chân đế các máy móc, thiết bị.

- Công nhân làm việc tại các công đoạn có độ ồn cao được trang bị nút tai chống ồn.

- Trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động chuyên dụng cho công nhân tham gia vận hành trên những dây truyền máy móc có tiếng ồn lớn như: nút tai chống ồn.

- Bố trí giờ làm hợp lý cho từng chuyền sản xuất để giảm mật độ người lao động ứn tắc trong những giờ cao điểm. Bố trí nhân viên bảo vệ hướng dẫn các phương tiện tại khu vực cổng ra vào của Nhà máy. Thường xuyên tuyên truyền nhắc nhở cán bộ, công nhân tuân thủ luật giao thông và đảm bảo an toàn giao thông.

- Trồng cây xanh trong khuôn viên Nhà máy để giảm thiểu bụi, tiếng ồn phát sinh từ hoạt động sản xuất tới môi trường xung quanh.

4.2.5. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó với rủi ro, sự cố:

- Sự cố hệ thống xử lý chất thải: Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ các hệ thống thu gom và xử lý nước thải; bố trí nhân viên quản lý, vận hành và giám sát vận hành các hệ thống thu gom, xử lý

nước thải. Khi HTXLNT tập trung gặp sự cố, nước thải được thu gom vào 02 bể sự cố có tổng thể tích khoảng 700m³ với thời gian lưu nước thải của dự án trong 3 ngày, sau đó, bơm ngược lại về trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- Phòng cháy và chữa cháy: lập và thực hiện theo đúng hồ sơ thiết kế PCCC được cơ quan có thẩm quyền thẩm duyệt. Trang bị đầy đủ phương tiện, thiết bị phòng cháy chữa cháy; đảm bảo chất lượng theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy.

- Sự cố tai nạn lao động: Lắp đặt bảng nội quy an toàn lao động; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động; tuyên truyền, tập huấn nâng cao ý thức người lao động.

- Sự cố hóa chất: lập phương án ứng phó sự cố hóa chất và thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất theo đúng quy định.

Các công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

Tên công trình	Thông số	Số lượng
Hệ thống thu bụi từ công đoạn mài để giày	Công suất quạt hút 20.000m ³ /h	01 hệ thống/khu vực phát sinh
Hệ thống hút mùi hơi keo khu pha chế	Công suất quạt hút 5.000m ³ /h	01 hệ thống/khu vực phát sinh
Hệ thống hút mùi dung môi	Công suất quạt hút 10.000m ³ /h	01 hệ thống/khu vực phát sinh
Hệ thống hút mùi hơi keo máy sấy	Công suất quạt hút 1.100m ³ /h	01 hệ thống/khu vực phát sinh
Hệ thống thoát nước mưa	Chiều dài 2.793,5m	01 hệ thống
Hệ thống xử lý nước thải sản xuất	Công suất 30m ³ /ng.đ	01 hệ thống
Hệ thống xử lý nước thải tập trung	Công suất 500m ³ /ng.đ	01 hệ thống
Xây dựng kho chứa rác thải	Diện tích 576m ²	01 kho
Thùng chứa rác thải sinh hoạt	Thể tích 50-120 lít	62 thùng
Ngăn chứa rác thải nguy hại	Diện tích 50m ²	01 ngăn
Thùng chứa chất thải nguy hại	Thể tích 0,2-0,5m ³	12 thùng
Hệ thống PCCC	Theo thiết kế được thẩm duyệt	01 hệ thống
Hệ thống chống sét	Bán kính thu sét 120m	03 hệ thống

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

Chủ đầu tư đề xuất thực hiện chương trình giám sát môi trường cho dự án như sau:

5.1. Giám sát chất lượng khí thải:

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần
- Vị trí giám sát: 04 vị trí gồm:
 - + KT1: Khí thải tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý bụi khu vực mài đế;
 - + KT2: Khí thải tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý mùi và hơi keo khu pha chế keo;
 - + KT3: Khí thải tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý mùi và hơi dung môi khu vực in xoa;
 - + KT4: Khí thải tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý mùi và hơi keo khu quét nước xử lý, quét keo, sấy keo.
- Chỉ tiêu giám sát:
 - + Tại vị trí KT1: Bụi tổng;
 - + Tại các vị trí KT2, KT3, KT4: Bụi tổng, Aceton, Toluen, Xyclohexan;
- Quy chuẩn so sánh:
 - + QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
 - + QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất hữu cơ.

5.2. Giám sát chất lượng nước thải:

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần
- Vị trí quan trắc: NT - Nước thải sau xử lý tại hệ thống XLNT tập trung của Nhà máy.
 - Chỉ tiêu quan trắc: Chỉ tiêu giám sát: Nhiệt độ, pH, COD, BOD₅, TSS, Sunfua (tính theo H₂S), NH₄⁺, NO₃⁻, tổng P, tổng N, Coliform.
- Quy chuẩn so sánh:
 - + QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B).
 - + QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B).

5.3. Quan trắc chất lượng bùn thải

- Tần suất giám sát: 1 năm/lần;
- Vị trí giám sát: BT: Mẫu bùn thải tại bể chứa bùn trạm XLNT tập trung
- Thông số giám sát: As, Cd, Pb, Zn, Hg, Cr.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 50:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

- Thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 4, Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về môi trường, đất đai, xây dựng; tài nguyên, lâm nghiệp; an ninh, quốc phòng; bảo tồn đa dạng sinh học; khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Thực hiện yêu cầu khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường./.